TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 205/2019/HS-ST
Ngày: 11- 7- 2019.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN ND THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiến

Bà Lê Thị Loan

***- Th□ ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Mơ - Thư ký Tòa án TP Thanh Hoá.

- Đại diện VKSND Thành phố Thanh hoá tham gia phiên toà:

Bà Vũ Thị Tú - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 188/2019/TLST- HS ngày 17 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2019/QĐXXST - HS ngày 05 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Bá H - sinh năm 1996 tại Thanh Hóa. Nơi cư trú: đường T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: LĐTD; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Bá C và bà Nguyễn Thị T; Tiền án: Năm 2018 bị Tòa án thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng"; tiền sự: không; Nhân thân: Tháng 6/2013 bị Công an phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Đánh nhau", tháng 7/2013 bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Trực tiếp xâm hại đến sức khỏe người khác", tháng 5/2015 bị Công an phường L, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi " Đánh nhau", tháng 8/2015 bị Công an phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Đánh nhau hoặc xúi dục người khác đánh nhau". Bị bắt tạm giam ngày 14/2/2019, "có mặt".

Bị hại: Anh Doãn Văn C - Sinh năm 1990 "vắng mặt"
Trú tại: đường H, phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng $01^h00'$ ngày 23/12/2018 anh Doãn Văn C điều khiển xe ô tô chở bạn là Trần Văn S đến khu vực Cầu C, đường T, phường L, thành phố T thì gặp người quan là chị Nguyễn Thị Ánh T đang đi bộ trên đường. Lúc này có anh Nguyễn Kim Q ở đường T, phường L, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa ở đường T, phường L, thành phố T cúng đi bộ sau chị T. Tưởng chị T bị anh Q trêu chọc nên anh C xuống xe nói với Q "Thằng kia sao lại đi theo chị tao", sau đó giữa anh Q và C xảy ra xô xát. C cùng với S nhặt gậy bên đường lùa theo ném Q nhưng không trúng, Q cũng nhặt đá ném lại nhưng không trúng rồi chạy về phía nhà mình ở ngõ 24 T hô hoán. Nghe tiếng Q hô hoán ông Nguyễn Kim T2 là bố Q chạy ra can ngăn. Lúc sau em họ Q là Lê Bá H cầm 01 con dao dài khoảng 20cm chạy ra nhìn thấy C và S đang xô sát với bố con anh Q nên đã xông vào dùng dao đâm một nhát vào người anh C. Hậu quả anh C bị thương phải đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa.

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 19h ngày 23/12/2018 xác định Doãn Văn C bị 01 vết thương vùng mạn sườn phải dài khoảng 3cm, bờ sắc nhọn.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 30/2019/TTPY ngày 18/01/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận anh Doãn Văn C bị tổn thương cơ thể là 25% sức khỏe.

Về tang vật: Đối với con dao H sử dụng đâm anh C, Cơ quan điều tra đã truy tìm vật chứng nhưng không thu hồi được.

Về dân sự: Anh C vào viện điều trị từ ngày 23/12/2018 đến ngày 04/01/2019 là 12 ngày. Anh yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản sau: Viện phí và thuốc 50.000.000đ; tiền thuê cửa hàng 01 tháng 22.000.000đ; tiền mất thu nhập một tháng 22.000.000đ; tiền bồi thường sức khỏe và tổn thất tinh thần 200.000.000đ. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 292.000.000đ. Gia đình Huy đã giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 5.000.000đ để bồi thường cho anh C.

Đối với Doãn Văn C và Trần Văn S bị Công an thành phố Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Đánh nhau"; Nguyễn Kim Q bị xử phạt hành chính về hành vi " Đánh nhau hoặc xúi giục người khác đánh nhau".

Đối với hành vi của ông T2 cầm gậy ra can ngăn sự việc nhưng chưa gây hậu quả gì nên cơ quan Công an đã nhắc nhở rút kinh nghiệm.

Tại bản cáo trạng số 175/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá truy tố bị cáo Lê Bá H về tội "Cố ý gây thương tích " theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thanh Hoá giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 42 đến 48 tháng tù.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xem xét về yêu cầu bồi thường của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiền hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án thấy đủ cơ sở chứng minh: Vào khoảng $01^{h}00^{'}$ ngày 23/12/2018, tại đường T, phường L, thành phố T. Lê Bá H dùng dao đâm vào mạn sườn phải anh Doãn Văn C. Hậu quả anh C bị tổn hại 25% sức khỏe. Mặc dù thương tích của bị hại 25% sức khỏe nhưng do bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm để đánh anh C nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 BLHS. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo như cáo trạng là có cơ sở, phù hợp với pháp luật.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận*:* Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Bá H có đủ các dấu hiệu cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Tội danh và khung hình phạt đ- ợc quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS năm 2015.

[3] Tính chất vụ án: Giữa bị cáo và người bị hại không có mâu thuẫn gì, lẽ ra khi thấy anh C và Q xô xát nhau bị cáo phải can ngăn nhưng bị cáo không can ngăn mà còn gây thương tích cho bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khoẻ của người khác và gây mất trật tự trị an xã hội, vì vậy cần phải đ- ợc xử lý nghiêm.

[4] Nhân thân và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án về tội "Gây rối trật tự công cộng" chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS là tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Với tính chất nghiêm trọng của vụ án và nhân thân của bị cáo thì việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt căn cứ điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì tại các cơ quan pháp luật bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình bồi thường được một phần thiệt hại cho anh C.

[5] Về phần bồi thường thiệt hại: Anh Doãn Văn C yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản chi phí gồm: viện phí và thuốc 50.000.000đ; tiền thuê cửa hàng 01 tháng 22.000.000đ; tiền mất thu nhập 01 tháng 20.000.000đ; tiền bồi thường sức khỏe và tổn thất tinh thần 200.000.000đ. Việc anh C phải đến bệnh viện điều trị là thực tế, vì vậy buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường các chi phí hợp lý theo quy đinh pháp luật. Theo quy định tại Điều 590 BLDS, xét các yêu cầu bồi thường của anh C thì thấy:

- Đối với yêu cầu bồi thường về viện phí và thuốc; tiền thuê cửa hàng do anh nghỉ không kinh doanh được trong thời gian điều trị. Tòa án đã yêu cầu anh cung cấp các hóa đơn, chứng từ và chi phí hợp lý trong thời gian điều trị ở viện nhưng hiện nay anh chưa giao nộp được các hóa đơn, chứng từ để xác định số tiền cụ thể và cũng không cung cấp được hợp đồng thuê nhà để làm căn cứ buộc bị cáo bồi thường. Do đó đối với 02 yêu cầu này dành quyền cho anh C khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ chứng cứ.

- Đối với yêu cầu bồi thường khoản tiền mất thu nhập 20.000.000đ/tháng. Xét thấy quá trình điều tra, xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu anh C cung cấp xác nhận thu nhập thực tế để tính mức trung bình làm căn cứ xem xét yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng anh C không xuất trình được xác nhận. Căn cứ vào thu nhập bình quân của người lao động tự do tại địa phương là 200.000đ/ngày để buộc bị cáo phải bồi thường. Anh C điều trị từ ngày 23/12/2018 đến ngày 04/01/2019 là 12 ngày. Tuy nhiên sau khi điều trị về anh C chưa đi làm được cần có thời gian nghỉ ngơi, do đó buộc bị cáo phải bồi thường tiền mất thu nhập 01 tháng cho anh C là phù hợp. Cụ thể: 30 ngày x 200.000đ/ngày = 6.000.000 (sáu triệu đồng).

- Về công người chăm sóc: Quá trình anh C điều trị tại bệnh viện cần phải có người chăm sóc, do đó buộc bị cáo bồi thường cho anh C khoản tiền công người chăm sóc là phù hợp. Tiền công người chăm sóc tính theo mức thu nhập bình quân của người lao động tự do tại địa phương vào thời điểm 200.000đ/ngày. Anh C đi điều trị 12 ngày nên công người chăm sóc 12 ngày x 200.000đ/ngày = 2.400.000đ.

- Do anh C bị tổn hại 25% sức khỏe nên sau khi điều trị cần có chi phí bồi dưỡng phục hồi sức khỏe. Vì vậy buộc bị cáo bồi thường cho anh C một khoản tiền nhất định để bồi dưỡng phục hối sức khỏe là 5.000.000đ.

- Đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất tinh thần như anh C đề nghị là cao. Tại khoản 2 Điều 590 BLDS quy định mức bồi thường chung khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần nếu các bên không thỏa thuận được quy đinh tối đa không quá 50 lần mức lương cơ sở do nhà nước quy định. Anh C bị tổn hại 25% sức khỏe nên chấp nhận khoản tiền tổn thất tinh thần cho anh C bằng 13 tháng lương cơ sở là phù hợp.

Tại thời điểm giải quyết bồi thường mức lương cơ sở nhà nước quy định là 1.390.000đ/tháng x 13 tháng = 18.070.000đ.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh C là: 31.470.000đ. Gia đình bị cáo đã bồi thường được 5.000.000đ, sô tiền còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp cho là 26.470.000đ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định tại Điều 136 BLTTHS; điểm a, c khoản 1 Điều 23 NQ số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Điều 136 BLTTHS. Điều 584 và Điều 590 BLDS. Điểm a, c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Bá H phạm tội " Cố ý gây thương tích"

Xử phạt: Lê Bá H 42 (bốn hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 2 năm 2019.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Doãn Văn C các khoản sau:

- Thu nhập thực tế bị mất: 30 ngày x 200.000đ/ngày = 6.000.000đ
- Tiền công người chăm sóc: 12 ngày x 200.000đ/ngày = 2.400.000đ

- Tiền bồi dưỡng sức khỏe sau điều trị 5.000.000đ

- Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là: 18.070.000đ

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho anh C là: 31.470.000đ. Gia đình bị cáo đã bồi thường được 5.000.000đ, sô tiền còn lại bị cáo phải bồi thường tiếp cho là 26.470.000đ.

Anh C được nhận số tiền 5.000.000đ do gia đình bị cáo Huy giao nộp để bồi thường tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số 157/THA ngày 21/5/2019.

Dành quyền cho anh C khởi kiện yêu cầu bị cáo bồi thường tiền viện phí, thuốc và tiền thuê cửa hàng bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 1.324.000đ án phí DSST (được làm tròn số).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh C có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, nếu bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm thì phải chịu thêm lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

Người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thủy

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND TPTH;
- Công an TPTH;
- TAND tỉnh TH
- VKSND tỉnh TH
- Lưu hồ sơ.